

Bản án số: 1069/2024/HC-PT
Ngày 23 tháng 9 năm 2024
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các Thẩm phán: Ông Dương Anh Văn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 597/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2793/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Cổ phần Đ2.

Địa chỉ: C L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức M – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1983; có mặt.

Địa chỉ: B Đường số B, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần Đ2: Ông Nguyễn Văn Đ - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: H L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Hoàng Cảnh D, sinh năm 1978 – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và biển đảo; có mặt.

- Ông Thiều Đình T, sinh năm 1967 – Chuyên viên Phòng Pháp chế Sở T5; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: F L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1.

Địa chỉ: A T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 - Chi nhánh L1 - thành phố Hải phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1: Bà Nguyễn Thị T1 – Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 - Chi nhánh L1 - thành phố Hải phòng; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đức Cảnh, quận Lê Chân, Thành phố Hải phòng

3.2. Công ty Cổ phần Đ3.

Địa chỉ: A N, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Đ3: Ông Trần Văn C; vắng mặt.

Địa chỉ: 2 B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là Công ty Cổ phần Đ2 trình bày:

Công ty Cổ phần Đ2 (sau đây viết tắt là công ty Đ2) là chủ sở hữu hợp pháp tàu có ký hiệu HP4247 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 4080/ĐK, do Sở Giao thông vận tải Thành phố H cấp ngày 21/12/2016.

Ngày 01/08/2018, công ty Đ2 có ký Hợp Đồng Kinh Tế số 01-HDKT/2018 (“Hợp Đồng 01/HĐKT”) với Công Ty Cổ Phần Đ3 (sau đây viết tắt là công ty Đ3). Theo Hợp Đồng 01/HĐKT, công ty Đ2 cho công ty Đ3 thuê tàu HP4247 để sử dụng vào mục đích là vận chuyển hàng hoá.

Công ty Đ2 trình bày cụ thể như sau:

- Vào khoảng tháng 09/2018, công ty Đ2 có nhận được thông tin là công ty Đ3 đã sử dụng tàu HP4247 để khai thác cát mà không có giấy phép khai thác được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền, vì vậy Công an Thành phố H lập biên bản và đồng thời đã tạm giữ phương tiện là tàu HP4247 để xác minh làm rõ vi phạm của công ty Đ3.

- Về phía công ty Đ2, ngay sau khi biết được thông tin trên, công ty Đ2 đã nhiều lần thông báo với cơ quan Công an Thành phố H về việc công ty Đ2 là chủ sở hữu hợp pháp chiếc tàu HP4247 và đề nghị Công an Thành phố H giải tỏa tạm giữ con tàu HP4247, nhưng Công an Thành phố H không chấp nhận.

- Ngày 09/11/2018, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Thành phố H ban hành Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty Đ3 (sau đây viết tắt là Quyết định 5034). Trong Quyết định 5034 có nội dung tịch thu tàu HP4247.

- Công ty Đ2 không đồng ý với nội dung “tịch thu tàu HP4247” trong Quyết định 5034 nên đã có đơn khiếu nại gửi UBND Thành phố H. Công ty Đ2 khiếu nại về việc tịch thu tàu HP4247 theo Quyết định 5034 đối với công ty Đ3 là không đúng quy định vì tàu HP4247 là tài sản hợp pháp của công ty Đ2. Công ty Đ2 ký hợp đồng cho công ty Đ3 thuê sử dụng làm phương tiện vận chuyển hàng hóa, nhưng công ty Đ3 sử dụng tàu HP4247 không đúng mục đích hoặc vi phạm pháp luật thì công ty Đ3 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên UBND Thành phố H không chấp nhận nội dung khiếu nại của công ty Đ2 về việc tịch thu tàu HP4247, việc này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi tài sản của công ty Đ2. Ngày 06/3/2019, công ty Đ2 đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh buộc Chủ tịch UBND Thành phố H hủy bỏ phần nội dung tịch thu tàu HP4247 theo Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với công ty Đ3 và trả lại tàu HP4247 cho chủ sở hữu hợp pháp là công ty Đ2. Người khởi kiện không có ý kiến phản xử phạt của công ty Đ3.

Người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố H có văn bản số 450/UBND-NCPC ngày 08/02/2021 trình bày ý kiến:

1. Cơ sở ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5034/QĐ-XPVPHC:

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt: Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định 5043/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 về xử phạt vi phạm hành chính đối với công ty Đ3 (đơn vị thuê tàu của Công ty Đ2) với hình thức phạt tiền 95.000.000 đồng và tịch thu 509,1m³ cát, cùng phương tiện vi phạm (tàu hút mang biển số HP-4247) là đúng quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; tại điểm g khoản 1 Điều 44 và điểm d khoản 3 Điều 60 Nghị định 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

- Về căn cứ ban hành Quyết định xử phạt dựa trên các tài liệu, chứng cứ như sau:

+ Biên bản vi phạm hành chính số 310/BB-VPHC do Phòng C – C lập ngày 17/10/2018, có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ3 là Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty (theo Quyết định bổ nhiệm số 112/2018-QĐBN/CTY ngày 10/6/2018 và Giấy ủy quyền ngày 27/9/2018 của công ty Đ3). Đồng thời có sự chứng kiến, ký tên và đồng ý với nội dung biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính của công ty Đ3 là ông Trần Ngọc H (Thuyền trưởng tàu hút HP-4247) và ông Nguyễn Hoàng P (cán bộ Phòng C2 – C).

+ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 309/BB-XM do Phòng C – Công an Thành phố lập ngày 11/10/2018 đối với Thuyền trưởng Trần Ngọc H.

+ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 328/BB-XM do Phòng C – Công an Thành phố lập ngày 01/11/2018 đối với công ty Đ3.

+ Biên bản ghi lời khai đối với Thuyền trưởng Trần Ngọc H do Phòng Cảnh sát đường thủy và Phòng C – C lập hồi 09 giờ và 18 giờ 20 ngày 22/8/2018, ngày 19/9/2018, ngày 25/9/2018, ngày 02/10/2018, ngày 30/10/2018 và bản tường trình, bản tự khai của Thuyền trưởng Trần Ngọc H.

+ Biên bản ghi lời khai đối với các thuyền viên làm việc trên tàu hút HP-4247 (Trần Văn H1, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H2) do Phòng C2 và Phòng C Công an Thành phố lập ngày 22/8/2018, ngày 18/9/2018 và bản tự khai của các thuyền viên.

+ Biên bản ghi lời khai đối với Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty Đ3, do Phòng C2 và Phòng C Công an Thành phố lập 01/10/2018, ngày 10/10/2018, ngày 31/10/2018 và bản tường trình của ông Lê Hùng T2.

+ Biên bản ghi lời khai đối với Phạm Anh Đ1 – Giám đốc Công ty Đ3 do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 11/10/2018.

+ Biên bản ghi lời khai đối với Nguyễn Thị Thu H3 – nhân viên Công ty Đ2 do Phòng C Công an Thành phố lập 01/10/2018 (đến làm việc theo Giấy ủy quyền ngày 28/9/2018 của công ty Đ2)

+ Biên bản ghi lời khai đối với Nguyễn Đức M – Giám đốc Công ty Đ2 do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 08/10/2018.

+ Biên bản mở niêm phong và kiểm tra dữ liệu hành trình lưu trong thiết bị định vị GPS gắn trên tàu hút HP-4247 (lưu tọa độ khai thác cát trái phép vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và đêm của ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018 là 10°13.208N và 106°58.426E) do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 28/9/2018.

+ Biên bản xác định vị trí, tọa độ, địa điểm khai thác cát trái phép tại vùng biển C do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 10/10/2018. Qua kiểm tra thực tế, xác định vị trí khai thác cát trái phép vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và đêm của ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018 của thuyền trưởng Trần Ngọc H và các thuyền viên tại tọa độ 10°13.208N và 106°58.426E là thuộc vùng biển quản lý của Bộ đội Biên phòng Thành phố H và thuộc địa giới hành chính huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vùng biển thuộc cồn T, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Hợp đồng thuê tàu vận chuyển số 01-HĐKT//2018 ngày 01/8/2018 được công ty Đ3 soạn thảo và ký vào ngày 18/8/2018, sau đó gửi qua đường bưu điện cho công ty Đ2 ký; 02 bên thống nhất ngày lập hợp đồng là ngày 01/8/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký (theo lời khai của Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty Đ3). Nội dung của hợp đồng: Công ty Đ3 thuê khoán tàu hút HP-4247 của công ty Đ2 để vận chuyển cát san lấp từ các mỏ cát đến các công trình, số tiền thuê là 150.000.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/8/2018 đến ngày

31/10/2018. Công ty Đ3 chịu hoàn toàn trách nhiệm về mặt pháp lý khi điều tàu đi vận chuyển cát và được quyền chỉ đạo thuyền trưởng điều hành tàu hoạt động trên công trường. Công ty T6 thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên phục vụ cho tàu hoạt động và chịu trách nhiệm chi trả lương.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, C có đủ cơ sở để xác định Công ty Đ3 đã có hành vi khai thác cát trái phép; vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ. Do sau khi được Phạm Anh Đ1 – Giám đốc Công ty Đ3 ủy quyền (theo giấy ủy quyền lập ngày 31/7/2018), Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty Đ3 (người được bổ nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Công ty theo Quyết định số 112/2018-QĐBN/CTY) đã thỏa thuận, trực tiếp ký hợp đồng thuê tàu của công ty Đ2 và chỉ đạo thuyền trưởng Trần Ngọc H, cùng các thuyền viên sử dụng tàu hút HP-4247 đến vùng biển C khai thác cát trái phép 02 lần vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và đêm của ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018.

Theo thỏa thuận giữa ông Lê Hùng T2 - Giám đốc Công ty Đ3 và Nguyễn Đức M – Giám đốc Công ty Đ2 và hợp đồng thuê tàu giữa hai bên thì công ty Đ3 là người có quyền sử dụng hợp pháp phương tiện trong thời gian thuê tàu của công ty Đ2 để vận chuyển cát. Công ty Đ3 thông qua hành vi đại diện Công ty đã trực tiếp chỉ đạo thuyền trưởng Trần Ngọc H và các thuyền viên sử dụng tàu hút số hiệu HP4247 khai thác cát trái phép, không đúng với mục đích trong hợp đồng thuê tàu vận chuyển số 01-HĐKT/2018 ngày 01/8/2018 giữa công ty Đ3 và công ty Đ2 (để vận chuyển hàng hóa là cát san lấp). Đồng thời vi phạm quy định tại Điều 88 Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi bổ sung vào năm 2014): *“Người thuê tàu có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ giấy tờ hợp pháp về hàng hóa”* và tại khoản 4 Điều 98a Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004: *“Người thuê phương tiện có trách nhiệm sử dụng phương tiện, thuyền viên theo điều khoản trong hợp đồng và quy định của pháp luật”*.

Mặt khác, công ty Đ2 là chủ tàu nên biết rõ tàu có đầy đủ các phương tiện, thiết bị khai thác cát chuyên dụng (28 máy hút cát từ đáy nước lên tàu, 03 máy bơm cát và 02 máy bơm nước); không được công ty Đ3 cung cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cát, sỏi); đồng thời giao tàu cho công ty Đ3 quản lý, sử dụng theo hợp đồng thuê tàu một cách có kiểm soát bằng cách thông qua quản lý thuyền trưởng và thuyền viên của mình (thanh toán tiền lương, tiền công cho thuyền trưởng và thuyền viên, tạm ứng dầu cho tàu hoạt động....) và chỉ đạo cho thuyền trưởng, thuyền viên làm việc theo mọi yêu cầu của công ty Đ3 là không đúng với nội dung hợp đồng chỉ cho thuê tàu để vận chuyển cát san lấp nên dẫn đến việc hiện thực hành vi khai thác cát trái phép lần 1 với khối lượng 800m³ vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và lần 2 với khối lượng 509,1 m³ của đêm ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018. Điều này đã thể hiện công ty Đ2 đã có lỗi cố ý đối với hành vi vi phạm của công ty Đ3.

Ý kiến của Chủ tịch UBND Thành phố H: Do công ty Đ2 có lỗi cố ý đối với hành vi vi phạm của công ty Đ3 nên trường hợp này không thuộc trường hợp quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP. Từ những cơ sở và phân tích nêu trên, căn cứ Điều 26, Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm

2012 quy định về việc tịch thu phương tiện vi phạm hành chính đối với trường hợp chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng phương tiện vi phạm, Chủ tịch UBND Thành phố đề nghị Tòa án công nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5034/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND Thành phố là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của công ty Đ2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 (Ngân hàng V - sau đây viết tắt là Ngân hàng) có văn bản ngày 31/10/2019, ngày 16/10/2020, ngày 23/11/2022 trình bày ý kiến gửi Tòa:

“...Công ty Đ2 đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh L1 các Hợp đồng:

1. Hợp đồng tín dụng số 04/2017/HĐTĐA/NHCT164-THIENLONG ngày 18/01/2017 với cho vay là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn). Mục đích cho vay Đầu tư đóng mới tàu chở cát Thiên Long 34, trọng tải 1800DW phục vụ kinh doanh hàng hóa đường thủy. Thời hạn cho vay 60 tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng 18/01/2022.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT164-THIENLONG ngày 29/04/2020 với Hạn mức cho vay là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn). Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động. Trong đó có Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay trên là: 01 tàu thủy nội địa mang tên T7; số đăng ký HP 4247; được đóng năm 2016 tại Hải Phòng; máy chính mác YC6C820L-C20, số chế tạo C5303F90002. Giấy Chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 4080/ĐK do Sở G cấp ngày 21/12/2016 cho chủ phương tiện là công ty Đ2. Hợp đồng thế chấp Số 05/2017/HĐTC/NHCT164-THIENLONG ngày 11/01/2017 đã được Phòng C3, Thành phố Hải Phòng chứng nhận, số công chứng 154, quyền số 18/2017. TP/CC-SCC/HĐGD. Đồng thời tài sản trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án số 1237947700 ngày 16/01/2017 do Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội chứng nhận. Trong suốt quá trình quan hệ tín dụng Công ty Đ2 luôn thực hiện việc trả nợ gốc và lãi đúng hạn.

Công ty Đ2 cho công ty Đ3 (địa chỉ A N, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) thuê tàu theo Hợp đồng thuê tàu số 01-HĐKT/2018 ngày 01/8/2018. Cụ thể: Công ty Đ3 thuê khoán tàu Thiên Long 34 của công ty Đ2 để vận chuyển cát san lấp từ các mỏ cát đến các công trình. Hình thức thuê: Thuê khoán tàu hàng tháng. Đơn giá thuê 150 triệu đồng/tháng/tàu. Phương thức thuê: Thời gian thuê từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/10/2018; Trong thời gian thuê tàu, công ty Đ3 toàn quyền sử dụng và điều động thuyền trưởng cũng như phương tiện của công ty Đ2. Về trách nhiệm: Công ty Đ3 chịu hoàn toàn trách nhiệm về mặt pháp lý khi điều tàu đi vận chuyển cát (tiết 3 khoản 1 điều IV này). Trong quá trình thuê tàu Thiên Long 34, công ty Đ3 đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng thuê tàu số 01-HĐKT/2018 đã ký. Dẫn đến công ty Đ3 bị xử phạt hành chính, tịch thu tang vật (cát) và tàu Thiên Long 34 (ký hiệu HP4247) theo Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 do Chủ tịch UBND Thành phố H ký ban hành.

Khi sự việc xảy ra, căn cứ vào Hợp đồng thế chấp cũng như các Hợp đồng tín dụng đã ký với công ty Đ2. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với công ty Đ2 yêu cầu công ty Đ2 phải có trách nhiệm làm việc với cơ quan chức năng để có phương án xử lý dứt điểm. Công ty Đ2 cũng đã nhiều lần cam kết sẽ đề nghị các cơ quan chức năng xem xét giải quyết sự việc trên. Theo quy định Điều 323, Quyền của bên nhận thế chấp tại khoản "5. *Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*". Vì vậy nếu cơ quan xử lý vi phạm hành chính tịch thu phương tiện không hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh L1 và Công ty Đ2 thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tài sản của Ngân hàng và Công ty Đ2.

Đồng thời theo Điều 126. Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính: "*Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 26 của Luật này thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước*" khi sự việc vi phạm do Công ty Đ3 gây ra Công ty Đ2 cũng như Ngân hàng không hề hay biết.

Mặt khác tại Điều 14. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự của Nghị quyết số: 42/2017/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2017: "*Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu*".

Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh L2 hề hay biết công ty Đ3 đã dùng tàu Thiên Long 34 để đi khai thác cát ở Thành phố Hồ Chí Minh. Cũng như phía công ty Đ2 báo cáo thì Công ty cũng không hề hay biết công ty Đ3 dùng tàu Thiên Long 34 để khai thác cát vi phạm pháp luật. Từ sự ngay tình của công ty Đ2 - Bên thế chấp tài sản và Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh L1. Để tạo điều kiện cho công ty Đ2 có phương tiện hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đề nghị Quý Tòa xem xét "Đơn khiếu kiện quyết định hành chính" của công ty Đ2 để ra Quyết định hủy một phần Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 của Chủ tịch U về quyết định xử phạt hành chính với Công ty Đ3 và cho công ty Đ2 được nhận lại tàu Thiên Long 34 (ký hiệu HP4247) để Công ty có phương tiện tiếp tục hoạt động kinh doanh có nguồn thu trả nợ Ngân hàng. Chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Quý T4".

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 211 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 38, Điều 52, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Khoản 21 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ2;

- Hủy một phần Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H phần nội dung tịch thu tàu HP4247.

- Hủy Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H lập thủ tục trả lại tàu HP4247 cho chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Đ2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ2; giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố H và Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố H.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2212/QĐ-VKS-HC ngày 11/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa bản án hành chính sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ2; giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố H và Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố H, vì: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ2 với lý do là Công ty Đ2 có lỗi vô ý không theo dõi, giám sát hoạt động của bên thuê tàu trong quá trình giao tàu cho Công ty Đ3 thực hiện hành vi khai thác cát trái phép là không có cơ sở; Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, xác định Công ty Đ3 là đối tượng trực tiếp sử dụng phương tiện cùng có lỗi cố ý với Công ty Đ2 (Chủ sở hữu tàu HP-4247) trong việc để người vi phạm (thuyền trưởng và các thuyền viên) sử dụng phương tiện tàu HP-4247 thực hiện hành vi vi phạm hành chính khai thác cát trái phép, cụ thể là để ông Trần Ngọc H là người sử dụng phương tiện điều khiển tàu HP-4247 khai thác cát trái phép. Do đó, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 xử phạt vi phạm hành chính Công

ty Đ3, trong đó có hình thứ xử phạt bổ sung là tịch thu tàu HP-4247 là đúng theo quy định tại Điều 26; Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

- Người khởi kiện trình bày: Vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ2 là có căn cứ. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt đã được Tòa triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND Thành phố H, thấy rằng:

[2.1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty Đ2 khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định 5043/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố H là quyết định hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, và Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố H là quyết định hành chính có liên quan thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Vụ án còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Quyết định hành chính nêu trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về nội dung:

Công ty Đ2 là chủ sở hữu hợp pháp tàu có ký hiệu HP4247. Ngày 01/8/2018, công ty Đ2 có ký hợp đồng kinh tế số 01-HĐKT/2018 với công ty Đ3. Theo hợp đồng đó, công ty Đ2 cho công ty Đ3 thuê tàu HP4247 dùng để vận chuyển cát. Tháng 9 năm 2018, công ty Đ2 có nhận được thông tin công ty Đ3 sử dụng tàu HP4247 hút cát không có giấy phép bị Công an thành phố H tạm giữ. Ngày 09/11/2018, Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC về việc Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với công ty Đ3 trong đó có nội dung “Tịch thu tàu HP 4247” làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi về tài sản của công ty Đ2.

Xét thấy, tại Biên bản vi phạm hành chính số 310/BB-VPHC do Phòng C – C lập ngày 17/10/2018, có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền của công ty Đ3 là Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty (theo Quyết định bổ nhiệm số 112/2018-QĐBN/CTY ngày 10/6/2018 và Giấy ủy quyền ngày 27/9/2018 của công ty Đ3). Đồng thời, có sự chứng kiến, ký tên và đồng ý với nội dung biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính của công ty Đ3 là ông Trần Ngọc H (Thuyền trưởng tàu hút HP-4247) và ông Nguyễn Hoàng P (cán bộ Phòng C2 – C).

+ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 309/BB-XM do Phòng C – Công an Thành phố lập ngày 11/10/2018 đối với thuyền trưởng Trần Ngọc H.

+ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 328/BB-XM do Phòng C – Công an Thành phố lập ngày 01/11/2018 đối với công ty Đ3.

+ Biên bản ghi lời khai đối với thuyền trưởng Trần Ngọc H do Phòng Cảnh sát đường thủy và Phòng C – C lập hồi 09 giờ và 18 giờ 20 ngày 22/8/2018, ngày 19/9/2018, ngày 25/9/2018, ngày 02/10/2018, ngày 30/10/2018 và bản tường trình, bản tự khai của thuyền trưởng Trần Ngọc H.

+ Biên bản ghi lời khai đối với các thuyền viên làm việc trên tàu hút HP-4247 (Trần Văn H1, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H2) do Phòng C2 và Phòng C Công an Thành phố lập ngày 22/8/2018, ngày 18/9/2018 và bản tự khai của các thuyền viên.

+ Biên bản ghi lời khai đối với Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty Đ3, do Phòng C2 và Phòng C Công an Thành phố lập 01/10/2018, ngày 10/10/2018, ngày 31/10/2018 và bản tường trình của ông Lê Hùng T2.

+ Biên bản ghi lời khai đối với Phạm Anh Đ1 – Giám đốc Công ty Đ3 do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 11/10/2018.

+ Biên bản ghi lời khai đối với Nguyễn Thị Thu H3 – nhân viên Công ty Đ2 do Phòng C Công an Thành phố lập 01/10/2018 (đến làm việc theo Giấy ủy quyền ngày 28/9/2018 của Công ty Đ2)

+ Biên bản ghi lời khai đối với Nguyễn Đức M – Giám đốc Công ty Đ2 do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 08/10/2018.

+ Biên bản mở niêm phong và kiểm tra dữ liệu hành trình lưu trong thiết bị định vị GPS gắn trên tàu hút HP-4247 (lưu tọa độ khai thác cát trái phép vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và đêm của ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018 là 10°13.208N và 106°58.426E) do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 28/9/2018.

+ Biên bản xác định vị trí, tọa độ, địa điểm khai thác cát trái phép tại vùng biển C do Phòng C Công an Thành phố lập ngày 10/10/2018. Qua kiểm tra thực tế, xác định vị trí khai thác cát trái phép vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và đêm của ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018 của thuyền trưởng Trần Ngọc H và các thuyền viên tại tọa độ 10°13.208N và 106°58.426E là thuộc vùng biển quản lý của Bộ đội Biên phòng Thành phố H và thuộc địa giới hành chính huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vùng biển thuộc cồn T, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Hợp đồng thuê tàu vận chuyển số 01-HĐKT//2018 ngày 01/8/2018 được công ty Đ3 soạn thảo và ký vào ngày 18/8/2018, sau đó gửi qua đường bưu điện cho Công ty Đ2 ký; 02 bên thống nhất ngày lập hợp đồng là ngày 01/8/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký (theo lời khai của Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc công ty Đ3). Nội dung của hợp đồng: công ty Đ3 thuê khoán tàu hút HP4247 của công ty Đ2 để vận chuyển cát san lấp từ các mỏ cát đến các công trình, số tiền thuê là 150.000.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/8/2018 đến ngày 03/10/2018. Công ty Đ3 chịu hoàn toàn trách nhiệm về mặt pháp lý khi điều tàu đi vận chuyển cát và được quyền chỉ đạo thuyền trưởng điều hành tàu hoạt động trên công trường. Công ty T6 thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên phục vụ cho tàu hoạt động và chịu trách nhiệm chi trả lương.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định công ty Đ3 đã có hành vi khai thác cát trái phép; vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ. Do sau khi được ông Phạm Anh Đ1 – Giám đốc Công ty Đ3 ủy quyền (theo giấy ủy quyền lập ngày 31/7/2018), ông Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty Đ3 (người được bổ nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Công ty theo Quyết định số 112/2018-QĐBN/CTY) đã thỏa thuận, trực tiếp ký hợp đồng thuê tàu của công ty Đ2 và chỉ đạo thuyền trưởng Trần Ngọc H, cùng các thuyền viên sử dụng tàu hút HP-4247 đến vùng biển C khai thác cát trái phép 02 lần vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và đêm của ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018.

+ Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 quy định như sau “*phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi khối lượng khoáng sản đã khai thác từ 50 m³ trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm h khoản này*”, đồng thời theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 quy định “*Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định tại các Điều 59, 60, 61, 62, 63 và Điều 64 Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; đối*

với tổ chức, thẩm quyền phạt tiền mức tối đa gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân”.

+ Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 60 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh như sau: “*b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này; ”. Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 quy định: “....Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức”.*

Theo khoản 4 Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 quy định Hình thức xử phạt bổ sung như sau “*Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản hoặc toàn bộ giá trị bằng tiền của khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ; ...”.*

Căn cứ vào các chứng cứ là các biên bản ghi lời khai tại Phòng cảnh sát môi trường Công an Thành phố H của các ông Lê Hùng T2 (phó giám đốc công ty Đ3), ông Nguyễn Đức M (giám đốc công ty Đ2), ông Trần Ngọc H (thuyền trưởng tàu hút cát HP-4247), ông Trần Văn H1, ông Nguyễn Văn T3, ông Phạm Văn Q, ông Nguyễn Văn H2 (thuyền viên tàu hút cát HP-4247), và tại biên bản làm việc ngày 28/5/2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định: công ty Đ2 và công ty Đ3 là đối tác với nhau. Công ty Đ3 thuê tàu HP4247 của công ty Đ2 để vận chuyển cát. Theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 4080/ĐK ngày 21/12/2016 thì chức năng của tàu HP4247 là hút cát. Tại điều 4 của hợp đồng thuê tàu số 01-HĐKT/2018 ngày 01/8/2018 thì bên công ty T6, máy trưởng và nhân công phục vụ hoạt động của tàu. Phía công ty Đ2 thừa nhận cung cấp thuyền trưởng, máy trưởng và nhân công phục vụ hoạt động của tàu HP4247 cho công ty Đ3 là tổng cộng 6 người do công ty Đ3 trả lương còn bảo hiểm xã hội do công ty Đ2 trả, và hàng ngày những người này gọi điện báo cáo nơi neo đậu hàng ngày với nội dung là đang neo đậu ở đâu để vận chuyển cát. Về việc công ty Đ3 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hút cát trái phép bằng tàu HP4247 thì lần đầu công ty Đ2 không biết vì không nghe báo lại, còn lần 2 vào tháng 9 năm 2018 thì có biết vì nghe công ty Mê Kông báo lại, sau đó Cơ quan điều tra Công an thành phố H có mời giám đốc công ty Đ2 là ông Nguyễn Đức M lên làm việc một lần. Công ty Đ2 nhận thấy có lỗi vì không theo dõi, giám sát hoạt động của bên thuê tàu và giám sát 6 nhân viên mà công ty Đ2 gửi đến làm việc trên tàu HP4247 cho công ty Đ3 và cũng không kiểm tra giấy tờ pháp lý liên quan đến hoạt động khai thác cát của công ty Đ3 vì nghĩ chỉ hợp đồng thuê tàu vận chuyển cát. Việc Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC về việc Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản tịch thu 509,1 m³ cát và phạt 95.000.000 đồng đối với công ty Đ3 là đúng nên công ty Đ2 không có ý kiến, riêng đối với việc tịch thu phương tiện khai thác cát là tàu HP4247 của công ty Đ2 là chủ sở hữu thì xin xem xét vì đây là tài sản duy nhất của công ty Đ2 và hiện tại đang thế chấp tại Ngân hàng V chi nhánh H4, hơn nữa hành vi khai thác cát là của công ty Đ3, công ty Đ2 không chỉ đạo 6 nhân viên mà công ty Đ2 gửi đến làm việc trên tàu HP4247 cho công ty Đ3 thực hiện hành vi khai thác cát.

Tại điều 26 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có quy định về việc Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như sau: “*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hoá,*

phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức. Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật này”.

Công ty Đ2 có lỗi vô ý vì không theo dõi, giám sát hoạt động của bên thuê tàu và giám sát 6 nhân viên mà công ty Đ2 gửi đến làm việc trên tàu HP4247 cho công ty Đ3 và không kiểm tra giấy tờ pháp lý liên quan đến hoạt động khai thác cát của công ty Đ3. Công ty Đ3 thuê tàu HP4247 sử dụng làm phương tiện vận chuyển cát, nhưng công ty Đ3 sử dụng tàu HP4247 không đúng mục đích hoặc vi phạm pháp luật thì công ty Đ3 phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, cụ thể ông Lê Hùng T2 – Phó Giám đốc Công ty Đ3 (người được bổ nhiệm thực hiện nhiệm vụ của Công ty theo Quyết định số 112/2018-QĐBN/CTY) đã thỏa thuận, trực tiếp ký hợp đồng thuê tàu của công ty Đ2 và chỉ đạo thuyền trưởng Trần Ngọc H, cùng các thuyền viên sử dụng tàu hút HP-4247 đến vùng biển C khai thác cát trái phép 02 lần vào đêm của ngày 06 rạng sáng ngày 07/8/2018 và đêm của ngày 21 rạng sáng ngày 22/8/2018. Tại Biên bản ghi lời khai do Phòng Cảnh sát Môi trường Công an Thành phố lập ngày 10/10/2018, ông Lê Hùng T2 có trình bày: *“Việc tôi đại diện Công ty Đ3 chỉ đạo thuyền trưởng và các thuyền viên sử dụng tàu biển số HP4247 đến khai thác cát trái phép tại vùng biển C vào đêm 21 rạng sáng ngày 22/8/2018 thì không đúng theo nội dung của hợp đồng. Vấn đề này Công ty Đ3 xin chịu trách nhiệm với cơ quan chức năng”.*

Tại Điều 88 Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2014) quy định: *“Người thuê tàu có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ giấy tờ hợp pháp về hàng hóa”* và tại khoản 4 Điều 98a Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2014) quy định: *“Người thuê phương tiện có trách nhiệm sử dụng phương tiện, thuyền viên theo điều khoản trong hợp đồng và quy định của pháp luật”.*

Thấy rằng, Công ty Đ3 sử dụng tàu HP4247 để khai thác cát trái phép, không có căn cứ xác định lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức trong trường hợp người sở hữu, người sử dụng hợp pháp để người vi phạm sử dụng phương tiện vi phạm hành chính. Do đó tàu HP4247 không thuộc trường hợp bị tịch thu theo quy định tại Điều 26, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Hiện nay tàu HP4247 của công ty Đ2 đã thế chấp cho Ngân hàng V chi nhánh H4. Do đó, ý kiến của công ty Đ2 và Ngân hàng V không đồng ý việc tịch thu tàu hút cát HP4247 để đảm bảo quyền lợi cho chủ sở hữu hợp pháp là công ty Đ2 và Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Công ty Đ2 được trả lại tang vật, phương tiện theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính: *“Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp...”*.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND Thành phố H ban hành Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC về việc Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản tịch thu 509,1 m³ cát và phạt 95.000.000 đồng đối với công ty Đ3 là có căn cứ, tuy

nhiên về nội dung tịch thu tàu hút cát HP-4247 là không phù hợp với quy định của pháp luật theo nhận định như trên nên cần thiết phải hủy nội dung này và trả lại tàu hút cát HP-4247 cho chủ sở hữu là công ty Đ2. Do Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H có nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố H nên cần thiết phải hủy Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố H là quyết định hành chính liên quan.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ2 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND Thành phố H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ kháng nghị phúc thẩm số 2212/QĐ-VKS-HC ngày 11/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2024/HC-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 211 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 38, Điều 52, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 21 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ2;

- Hủy một phần Quyết định số 5034/QĐ-XPVPHC ngày 09/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H phần nội dung tịch thu tàu HP4247.

- Hủy Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H lập thủ tục trả lại tàu HP4247 cho chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Đ2.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005350 ngày 25/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ